TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/DS-ST
Ngày: 18-9-2017.
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ái Hòa;

Bà Lê Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như, Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2017/TLST - DS ngày 15 tháng 02 năm 2017 về "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2017/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2017; giữa các đương sự:

Đồng nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965, có mặt.

2. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1965, có mặt.

Đồng bị đơn:

1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1979, vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1980, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp TT, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29-12-2016 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và vợ chồng anh B, chị H là chỗ chòm xóm với nhau. Vào tháng 6/2014, bà có cho vợ chồng anh B, chị H vay số tiền 22.000.000 đồng, mục đích vay tiền để lo cho gia đình, thời hạn vay 03 tháng. Hai vợ chồng anh B, chị H cùng đến nhà bà vay tiền. Việc giao nhận số tiền vay diễn ra tại nhà bà, giao đủ một lần. Khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Khi bà giao tiền cho chị H, anh B thì có làm giấy nợ do chị H tự viết, có chị H ký tên của chị H và ký luôn tên anh B mặc dù anh B có mặt nhưng không có ký tên. Kể từ ngày vay đến nay, vợ chồng chị H, anh B chưa trả tiền cho bà tiền gốc cũng như tiền lãi. Khi bà đến nhà yêu cầu trả tiền thì chị H, anh B chỉ hứa hẹn chứ không trả tiền, hai bên cũng không có làm giấy hẹn trả nợ.

Nay bà yêu cầu vợ chồng chị H, anh B trả cho bà số tiền gốc là 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng và tiền lãi tính từ tháng 6/2014 đến nay với lãi suất theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà không yêu cầu chị H, anh B trả tiền lãi suất.

Nguyên đơn ông Phạm Văn L trình bày:

Ông là chồng của bà N. Ông xác nhận lời trình bày của bà N là đúng, ông không bổ sung thêm. Ông có cùng yêu cầu như yêu cầu của bà N

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị không thừa nhận lời trình bày của bà N. Thực tế vợ chồng chị có vay tiền của vợ chồng bà N nhiều lần, khoảng 3-4 lần, mỗi lần vay tiền chỉ khoảng vài triệu đồng. Lần đầu tiên vợ chồng chị có đến nhà bà N vay số tiền khoảng 4.000.000 đồng – 5.000.000 đồng cách nay khoảng 07 năm, chị không nhớ rõ thời gian, lãi suất 5%/tháng, mục đích vay để trả tiền Ngân hàng. Vợ chồng chị có viết giấy nợ và ký tên giao cho bà N, vợ chồng bà N cũng có ký tên vào, giấy nợ lập thành hai bản, giao mỗi bên giữ một bản. Số tiền vay này chị có trả tiền lãi cho bà N, mỗi lần trả tiền lãi đều được bà N viết vào giấy nợ và cho chị ký tên. Tổng số tiền lãi chị đã trả cho bà N bao nhiêu thì chị không nhớ. Những lần vay tiền còn lại do thiếu hụt chi tiêu nên chị chỉ vay của bà N khoảng 2.000.000 đồng đến 3.0000.000 đồng, chị đã trả tiền lãi và gốc cho bà N; có những tháng chị chưa trả lãi thì bà N cộng tiền lãi vào gốc. Số tiền chị còn nợ lại bà N gồm số tiền gốc và lãi là 4.600.000 đồng, giấy nợ này đã bị bà N xé bỏ. Giấy nợ ngày 07/6/2014 không phải do chị viết mà do bà N mang đến nhà chị yêu cầu chị ký tên. Lúc đó chỉ có một mình chị ở nhà, bà N nói nợ lâu quá nên yêu cầu chị ký tên để từ từ trả, chị không đọc lại giấy nợ mà ký tên và ghi họ tên "Phạm Thị H" vào giấy nợ, riêng chữ ký và họ tên "Nguyễn Văn B" do ai ký và viết thì chị không biết.

Bà N chỉ đến yêu cầu vợ chồng chị trả nợ chứ không yêu cầu trả số tiền cụ thể là bao nhiêu. Từ ngày chị ký tên vào giấy nợ ngày 07/6/2014 thì vợ chồng chị chưa trả số tiền nào cho bà N.

Chị đồng ý trả cho bà N số tiền 4.600.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất theo quy định pháp luật kể từ năm 2015 đến nay.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh là chồng của chị H. Anh xác nhận lời trình bày của H là đúng. Vợ chồng anh chỉ còn nợ bà N số tiền 4.600.000 đồng. Vào khoảng năm 2015, bà N có đến yêu cầu anh trả nợ nhưng không nói rõ trả bao nhiêu tiền. Anh không có mặt và không có ký tên vào giấy nợ ngày 07/6/2014. Anh đồng ý trả cho bà N số tiền 4.600.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị N, buộc anh B và chị H có nghĩa vụ trả cho ông L, bà N số tiền 22.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

Về tố tụng:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Văn B, chị Phạm Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của anh B, chị H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 22.000.000 đồng; chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy nợ ngày 07/6/2014. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 07/6/2014.

Thời hạn bị đơn hẹn trả nợ cuối cùng là ngày 07/9/2014. Đến hạn nhưng bị đơn vẫn không trả nợ. Ngày 24/12/2016, nguyên đơn có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng yêu cầu bị đơn trả số tiền vay trên là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 159 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 đã sửa đổi, bổ sung năm 2011.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử căn cứ vào hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: "Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi thì Tòa án không giải quyết vì đã hết thời hiệu khởi kiện. Đối với yêu cầu

thanh toán khoản tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện, Tòa án thụ lý theo thủ tục chung". Do đó, Tòa án thụ lý và giải quyết yêu cầu của bà N, ông L là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Về nội dung:

[1] Xét giấy nợ ngày 07/6/2014 số tiền 22.000.000 đồng do nguyên đơn giao nộp, có nội dung: hôm nay ngày 07/6/2014, H, B có nợ N, L số tiền 22.000.000 đồng, có chữ ký và ghi họ tên chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Văn B tại mục người mượn.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Văn L tranh chấp đòi lại tài sản với chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Văn B là có căn cứ xem xét.

[2] Do chị H không thừa nhận có viết nội dung giấy nợ, không thừa nhận có ký tên, viết họ tên vào giấy nợ ngày 07/6/2014 nên bà N có đơn yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của chị H. Tại kết luận giám định số 36/GT.2017 ngày 10/7/2017 và Kết luận giám định bổ sung số 57/GT.2017 ngày 29/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tây Ninh kết luận:

- Chữ ký và chữ viết mang tên "Phạm Thị H" trên tờ giấy nợ so với các tài liệu cần so sánh do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ viết mang tên "Phạm thị H" trên tờ giấy nợ so với các tài liệu cần so sánh do cùng một người viết ra.

[3] Chị H, anh B trình bày chỉ nợ vợ chồng bà N số tiền 4.600.000 đồng; bà N, ông L không thừa nhận; chị H, anh B không có chứng cứ chứng minh nên lời khai của chị H và anh B không có căn cứ.

Từ phân tích trên căn cứ vào Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị H và anh B có nghĩa vụ trả cho bà N, ông L số tiền 22.000.000 đồng; không giải quyết tiền lãi suất.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh B, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 22.000.000 đồng x 5% = 1.100.000 đồng

Chi phí giám định là 2.340.000 đồng, ghi nhận ông L và bà N nhận chịu.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Văn L tranh chấp đòi lại tài sản đối với anh Nguyễn Văn B, chị Phạm Thị H.

Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Văn L số tiền 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng; không giải quyết tiền lãi suất.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Phạm Thị H, Nguyễn Văn B phải chịu 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Văn L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà N, ông L số tiền 880.000 (tám trăm tám mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008490 ngày 15/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

4. Chi phí giám định là 2.340.000 đồng, ghi nhận ông L, bà N nhận chịu (đã nộp xong).

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND. H.Trảng Bàng;
- THADS. H.Trảng Bàng;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm